TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26- 11- 2018
Về việc: "Ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuấn Khanh

2. Ông Trần Công Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 230/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐ – HPT ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1980.
Nơi cư trú: Tổ 04, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh B.
Bị đơn: Anh Trần Văn P – Sinh năm 1976.
Nơi cư trú: Tổ 04, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh B.
Người làm chứng:
Bà Trần Thị B, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Tổ 4, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh B.
Bà Hà Thị H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ 4, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, người làm chứng vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2018,bản tự khai ngày 16/5/2018,các biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Trần Văn P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 21/09/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện C, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã, anh Trần Văn P hay đánh đập chị Trịnh Thị L, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trịnh Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Mạnh D, sinh ngày 26/11/2009 hiện tại đang ở cùng với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh Phước cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 08 năm 2018 người làm chứng bà Trần Thị B trình bày: Bà B là hàng xóm của chị L và anh P. Trong cuộc sống giữa chị L và anh P thì bà B thấy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, bà B chứng kiến việc anh P có đánh đập chị L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 08 năm 2018 người làm chứng bà Hà Thị H trình bày: Bà H là hàng xóm của chị L và anh P. Trong cuộc sống giữa chị L và anh P thì bà B thấy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, bà B chứng kiến việc anh P và chị L đã ly thân.

Đối với anh Trần Văn P: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Trần Văn P không đến Tòa án để làm việc nên không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị L đối với anh Trần Văn P. Về con chung giao con chung cho chị Trịnh Thị L nuôi dưỡng, anh Trần Văn P không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về

việc ly hôn với anh Trần Văn P có nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh B thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn P, nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đối chất nhưng anh Trần Văn P không đến tòa án làm việc, tham gia hòa giải, đối chất đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị L và anh Trần Văn P là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B. Chị L cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lan yêu cầu ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 7/9/2018 tại UBND xã T, đồng thời lời khai của bà Trần Thị B, bà Hà Thị H là những người hàng xóm của chị L và anh P thì về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, anh P còn đánh đập chị L, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay.. Ngoài ra ý chí của chị L về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh P là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị L về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Trần Văn P.

[3].Về con chung: Con chung tên Trần Mạnh D, sinh ngày 26/11/2009 hiện tại đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với con chung tên Trần Mạnh D, sinh ngày 26/11/2009 đang sống với chị L và chị L có nguyện vọng nuôi con chung, cháu D cũng có nguyện vọng sống với chị L, chị L cung cấp chứng cứ nuôi con là xác nhận của UBND xã T thể hiện thu nhập hàng tháng, anh P không trình bày ý kiến và không cung cấp chứng cứ về việc nuôi con chung vì vậy cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trịnh Thị L chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị L và anh Trần Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2009 ngày 21/09/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Quan hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Mạnh D, sinh ngày 26/11/2009 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trịnh Thị L chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004714 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Quan;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Thanh